

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 30/2025/DS-ST

Ngày: 02 - 4 - 2025

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

2. Bà: **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2024/TLST – DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP S.

Đại diện theo ủy quyền ông Võ Phú C. Chức vụ: Trưởng phòng, phòng G - Ngân hàng TMCP S (có mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng C1, sinh năm: 1989 (vắng).

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Phú C trình bày:

Ngày 14/11/2019 ngân hàng TMCP S có ký với chị Trần Thị Hồng C1 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - Các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) số hợp đồng 1381463. Căn cứ thu nhập của chị C1, Ngân hàng đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức:

30.000.000đ, số thẻ 356480-2390, lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 31,2%/năm, ngày 01/01/2023 lãi suất thẻ thay đổi 33,2%/năm (theo QĐ số 3248/2022/QĐ-TTT ban hành ngày 23/12/2022 của Ngân hàng S1) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng.

Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bản sao kê quá hạn thẻ, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng chị C1 không có thiện chí trả nợ. Do chị C1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 19 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 22/01/2024 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 02/4/2025, chị C1 còn nợ Ngân hàng số tiền như sau: Số thẻ 356480-2390, ngày vay 14/11/2019, ngày quá hạn 22/01/2024 vốn gốc 30.000.000đ, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phát sinh là 22.076.097đ, tổng cộng là 52.076.097đ. Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần tìm cách để liên hệ làm việc với chị C1 cùng tìm hướng giải quyết khoản vay nhưng chị C1 cố tình không hợp tác. Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để chị C1 trả nợ, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thanh toán khoản vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng.

Nay ngân hàng TMCP S yêu cầu chị Trần Thị Hồng C1 phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 02/4/2025 là 52.076.097đ, trong đó tiền gốc 30.000.000đ, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phát sinh là 22.076.097đ và phải chịu lãi phát sinh của khoản vay thẻ tín dụng trên từ ngày 03/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo quy định.

Bị đơn chị Trần Thị Hồng C1 đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị C1 không đến Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng và bị đơn chị C1. Chị C1 có nơi cư trú tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị C1 vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị C1 nhưng chị C1 cũng không đến Tòa án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị C1.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và chị C1 được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nay ngân hàng TMCP S yêu cầu chị C1 phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 02/4/2025 là 52.076.097đ, trong đó tiền gốc 30.000.000đ, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phát sinh là 22.076.097đ và phải chịu lãi phát sinh của khoản vay thẻ tín dụng trên từ ngày 03/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo quy định.

Xét tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1381463 ngày 14/11/2019 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng) được ký giữa ngân hàng TMCP S – Chi nhánh V – Phòng G với chị Trần Thị Hồng C1 có thỏa thuận nội dung hạn mức thẻ 30.000.000đ, loại thẻ JCB Classic, lãi suất áp dụng 2,6%/tháng, tài sản đảm bảo không có. Trên hợp đồng tín dụng các thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều luật theo Luật số 17/2017/QH14. Chị C1 có ký tên và ghi họ tên tại mục chữ ký và họ tên của chủ thẻ chính và có đại diện của ngân hàng xác nhận. Sau đó chị C1 đã rút tiền vay nhiều lần với tổng số tiền 30.000.000đ, đến hạn thanh toán thì chị C1 đã vi phạm thời hạn thanh toán theo Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên vào ngày 22/01/2024 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp theo Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi đến hạn trả nợ ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần tìm cách để liên hệ làm việc với chị C1 cùng tìm hướng giải quyết khoản vay nhưng chị C1 cố tình không hợp tác. Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để chị C1 trả nợ, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thanh toán khoản vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì chị C1 vắng mặt không có lý do.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc chị C1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay vốn tính đến ngày 02/4/2024 là 30.000.000đ, số tiền lãi là 22.076.097đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 52.076.097đ. Ngân hàng TMCP S được quyền tính lãi liên tục theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1381463 ngày 14/11/2019 đối với số tiền vốn 30.000.000đ cho đến khi chị C1 trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP S.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị C1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.604.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều luật theo Luật số 17/2017/QH14; Điều 209 Luật các tổ chức

tín dụng số: 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc chị Trần Thị Hồng C1 phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay vốn 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), số tiền lãi là 22.076.079đ (Hai mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi chín đồng), tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 52.076.079đ (Năm mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi chín đồng). Ngân hàng TMCP S được quyền tính lãi liên tục theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1381463 ngày 14/11/2019 đối với số tiền vốn là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho đến khi chị Trần Thị Hồng C1 trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trần Thị Hồng C1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.604.000đ (Hai triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 1.104.000đ (Một triệu một trăm lẻ bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0009732 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Ngô Thị Quyên